TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2018
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Cao Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên toà:*** Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017, về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 và Thông báo về việc hoãn phiên Tòa số: 02/TB-TA ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1970.

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trương Văn Q, sinh năm: 1969.

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Q tự quen biết tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1991, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà và ông Q chung sống hạnh phúc đến năm 1993 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mỗi người một quan điểm sống khác nhau nên bà và ông Q thường xuyên gây gỗ nhau, ông Q bỏ về nhà ba mẹ ruột của ông Q sống từ năm 1993 cho đến nay. Vợ

chồng bà ly thân từ năm 1993 đến nay cũng không có biện pháp khắc phục, hàn gắn gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà yêu cầu không công nhận bà và ông Q là vợ chồng.

- Về con chung: Bà và ông Q có một con chung tên Trương Thị Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 1992 . Hiện tại cháu Đ đang sống chung với bà, cháu đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Bị đơn ông Trương Văn Q trình bày:

- Về hôn nhân: Bà C trình bày cơ sở hôn nhân giữa ông và bà C như trên là đúng. Ông và bà C chung sống với nhau vào năm 1991, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 1993 đến nay, không có biện pháp khắc phục hàn gắn gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà C là vợ chồng.

- Về con chung: Ông và bà C có một con chung tên Trương Thị Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 1992. Hiện tại cháu Đ đang sống chung với bà C, cháu đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trương Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53, của Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014). Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, không công nhận bà Nguyễn Thị C và ông Trương Văn Q là vợ chồng. Về con chung: Có một cháu tên Trương Thị Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 1992 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên ông bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Bà C, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà C, ông Q trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Bà C phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Văn Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Trương Văn Q chung sống với nhau từ năm 1991, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của hai ông bà không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình (năm 2014) thì không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Q là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Trương Văn Q có 01 con chung tên Trương Thị Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 1992. Bà C và ông Q thống nhất cháu Đ đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Trương Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Trương Văn Q trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị C và ông Trương Văn Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận bà Nguyễn Thị C và ông Trương Văn Q có 01 con chung tên Trương Thị Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 1992, con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên ông bà thống nhất không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Trương Văn Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Trương Văn Q trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0021178 ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Chi

cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà C đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Trương Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà C có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Ông Q có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân

Nơi nhận:
- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân